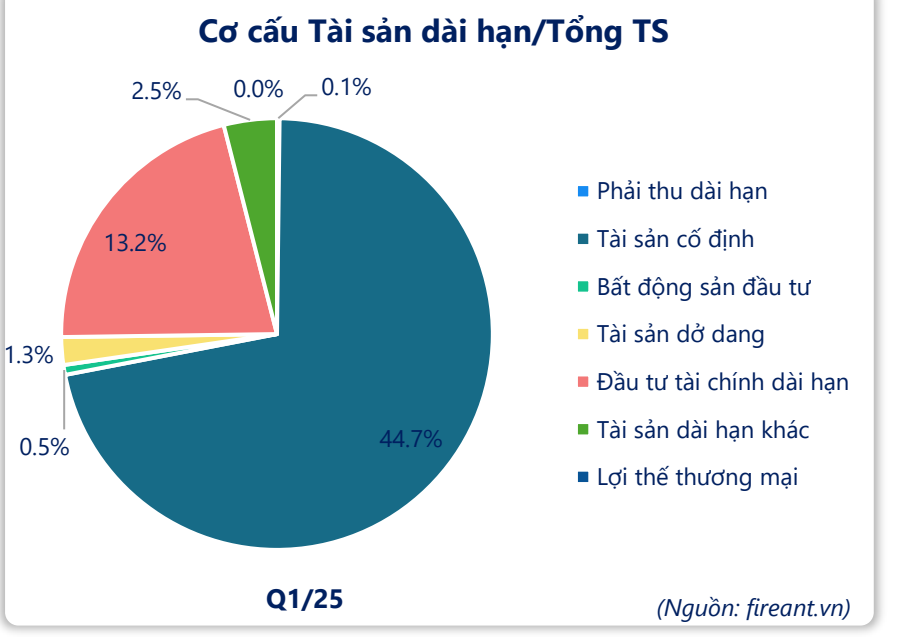
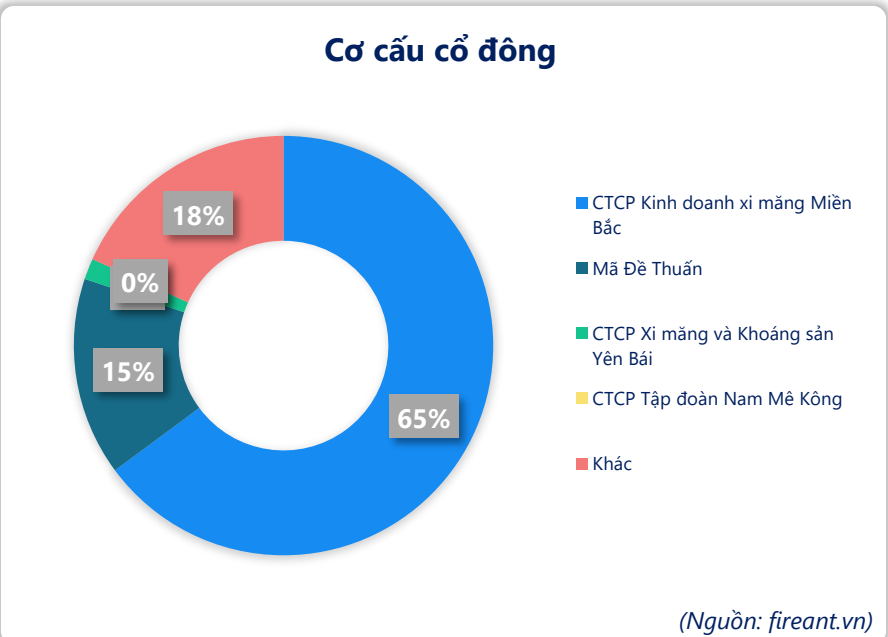
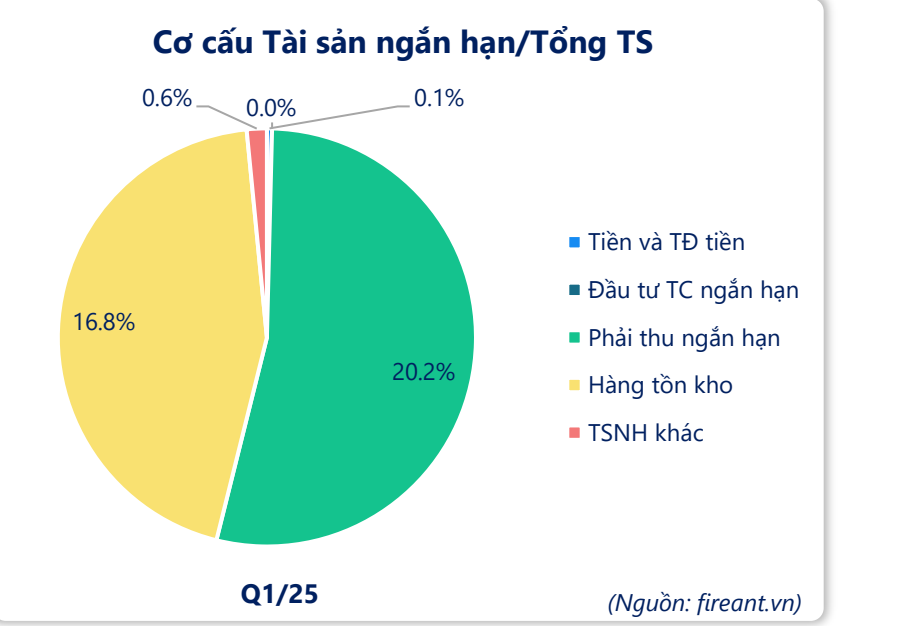
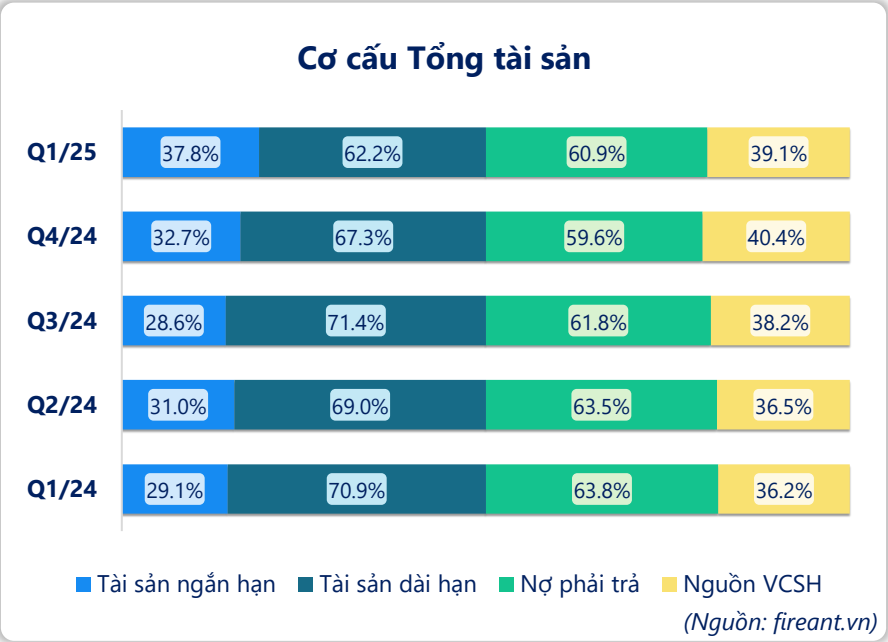
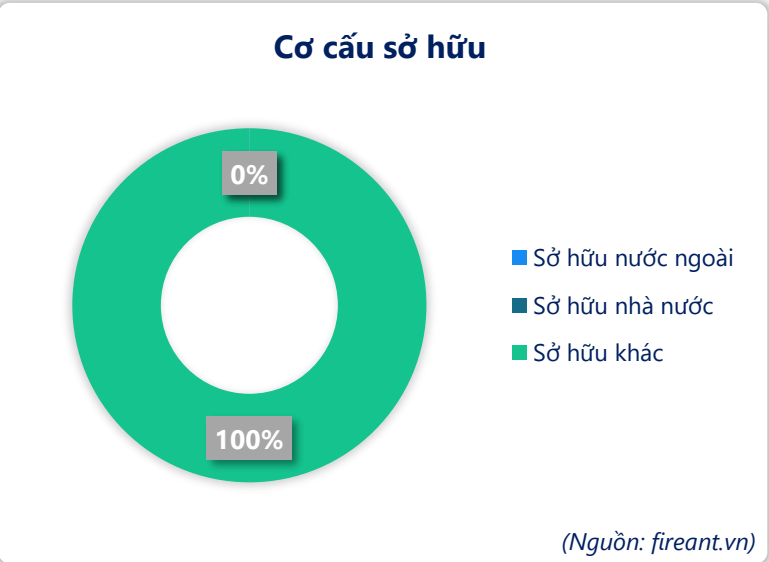
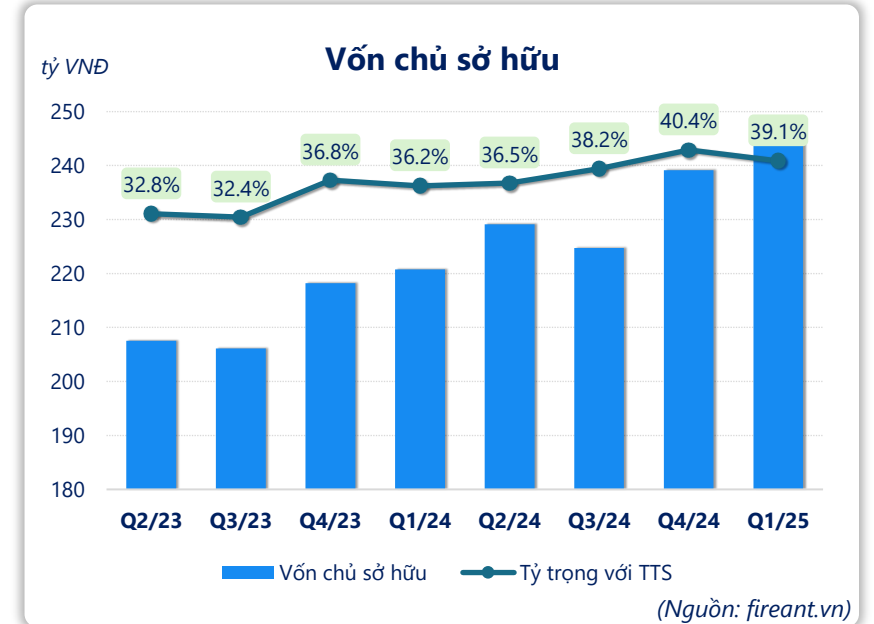
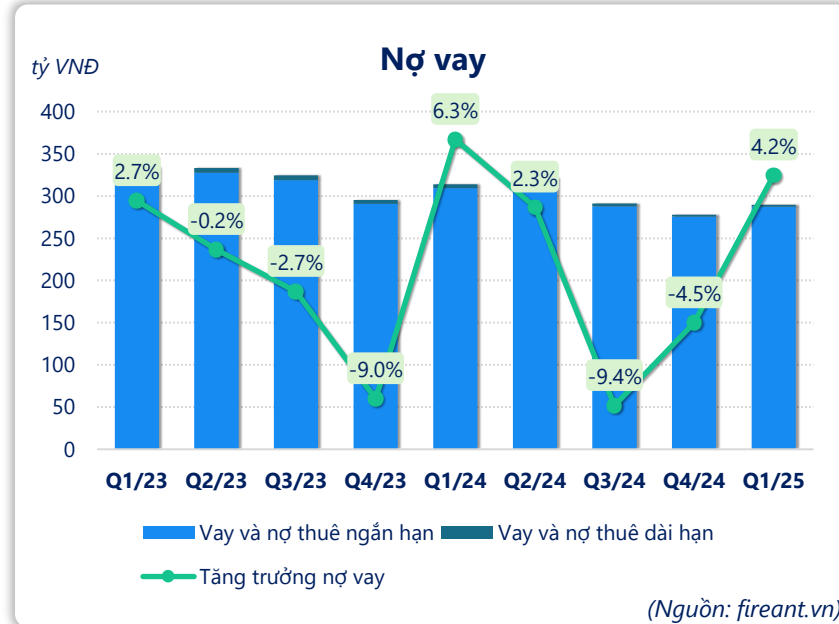
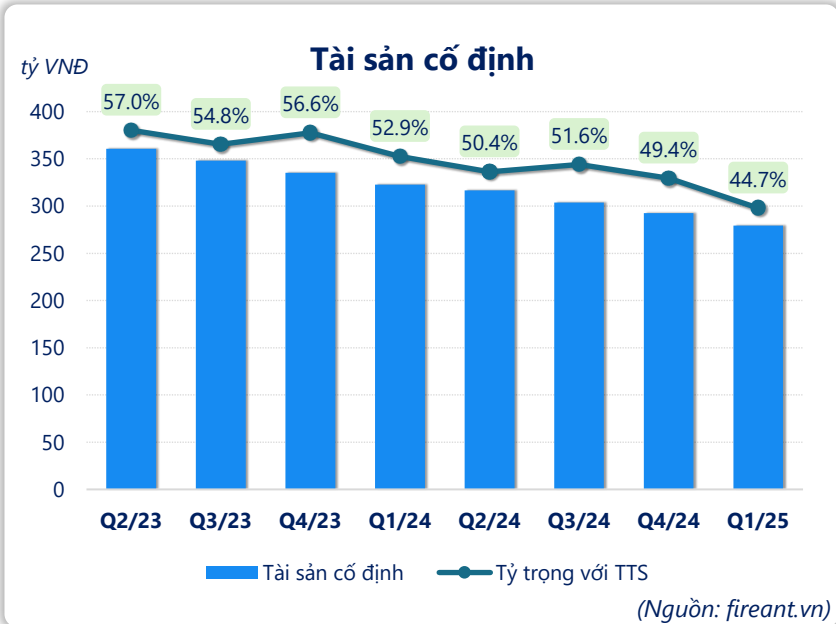
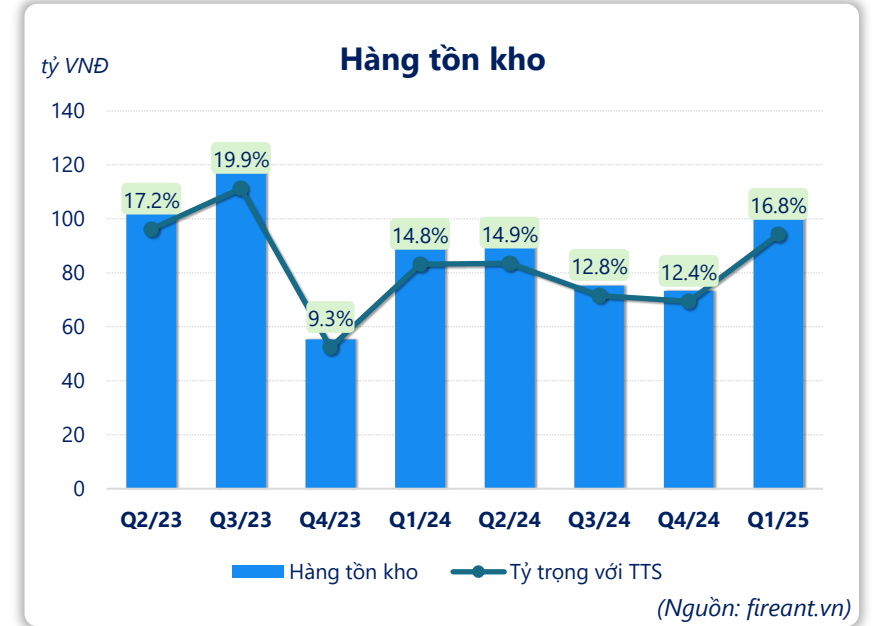
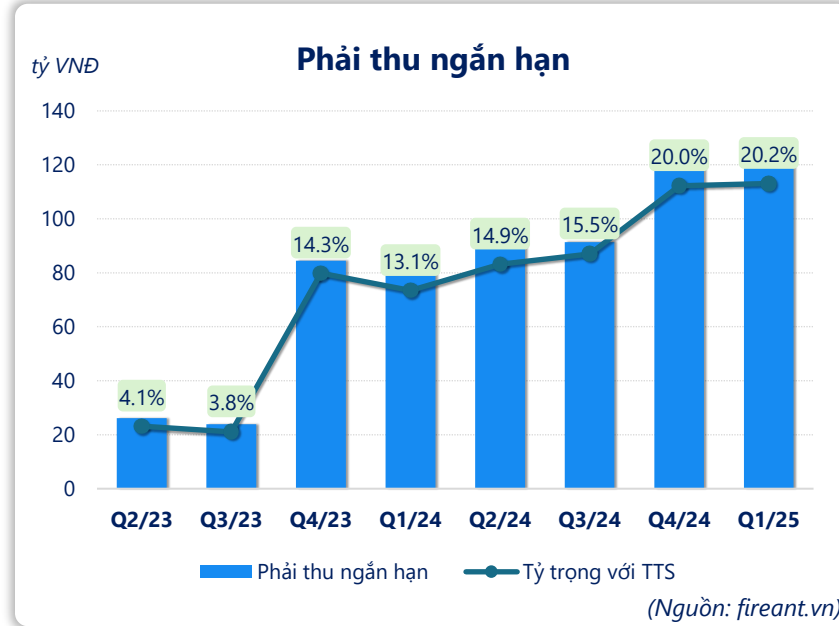
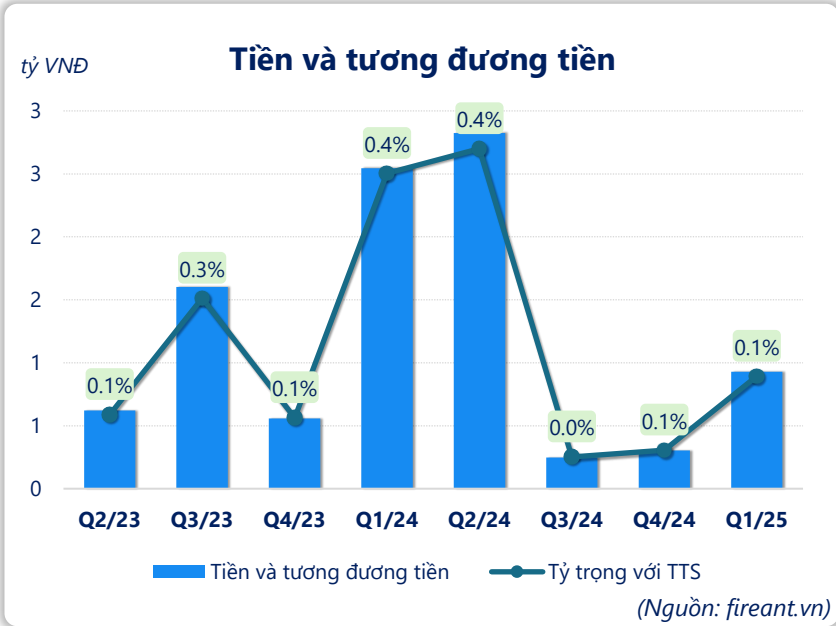
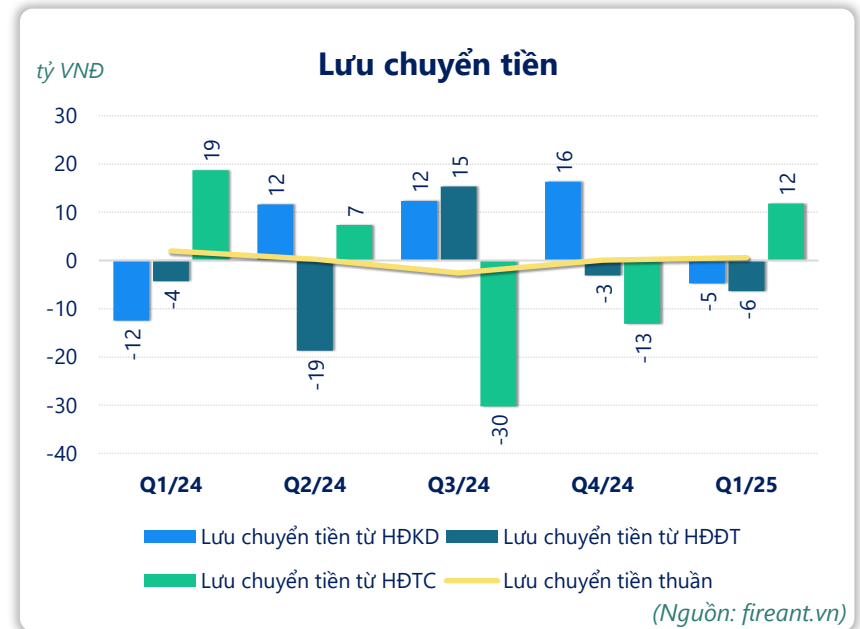
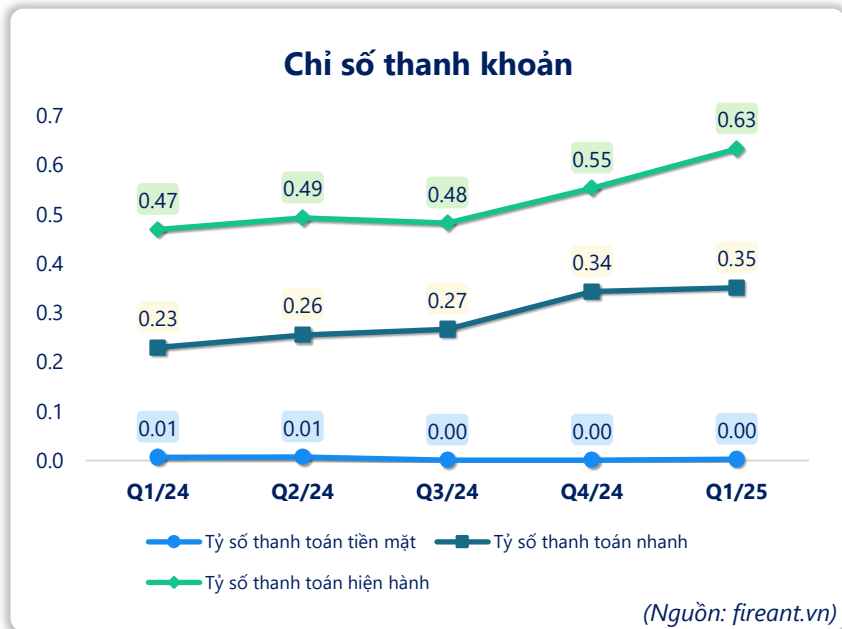
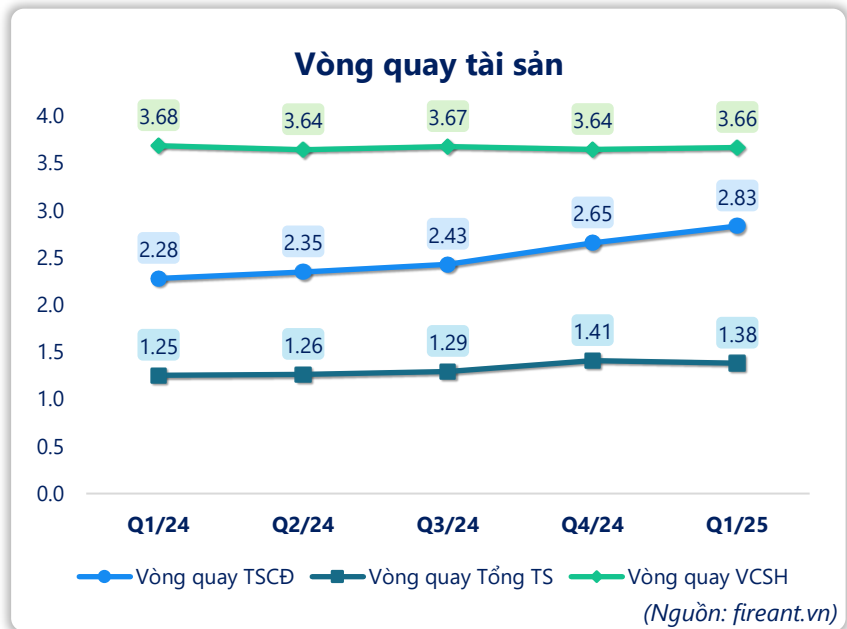
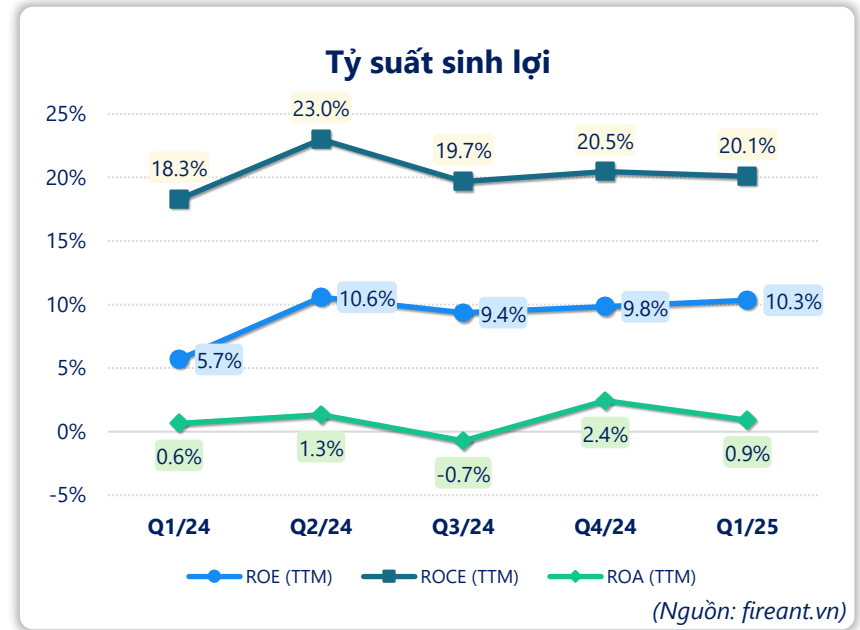
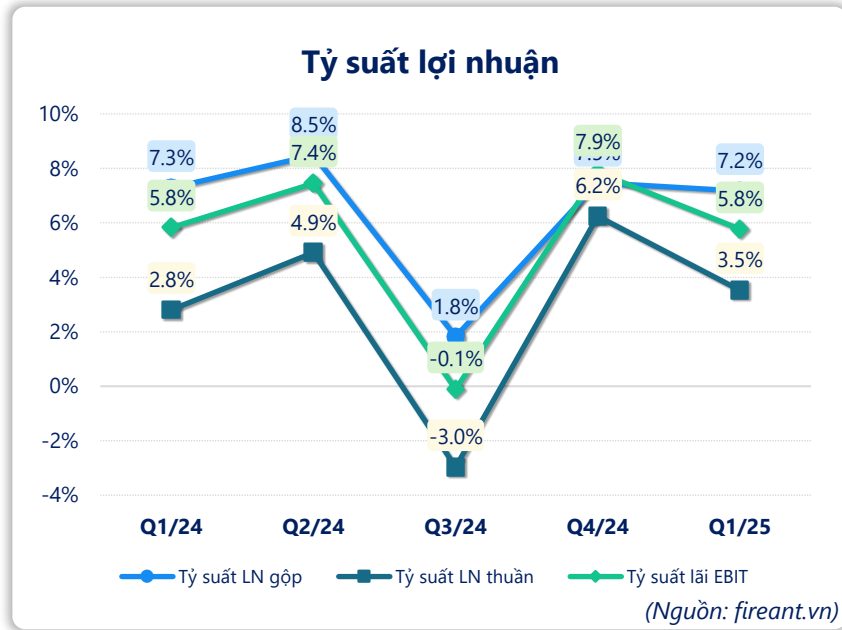
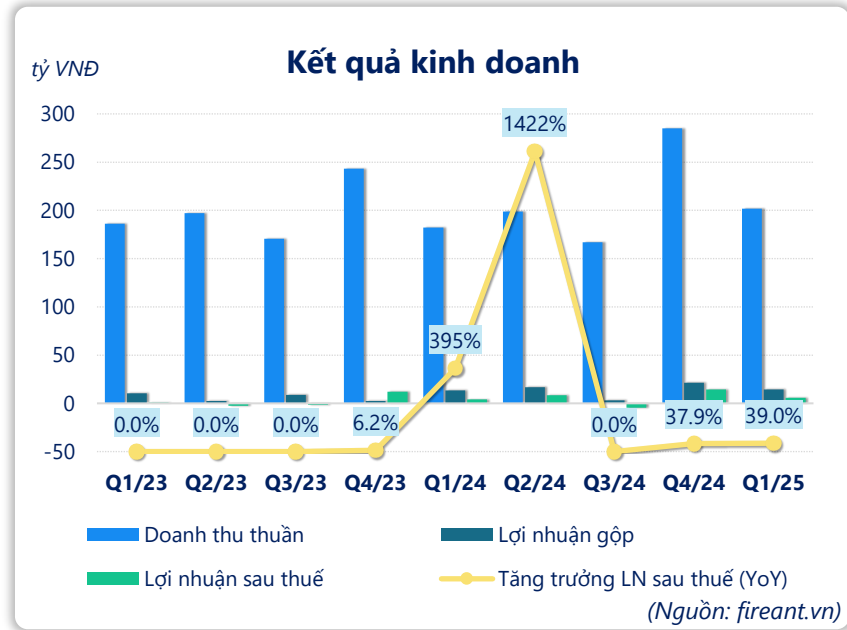


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,200
SL cổ phiếu LH		26,530,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		358
P/E		14.9
EPS		907

	YTD	1T	3T	6T
VCX	40.6%	3.8%	40.6%	125.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	625	592	5.6%
Tài sản ngắn hạn	236	193	22.1%
Tiền và tương đương tiền	0.93	0.30	208%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	126	119	6.1%
Hàng tồn kho	105	73.0	43.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.66	0.97	277%
Tài sản dài hạn	389	398	-2.3%
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Tài sản cố định	279	292	-4.5%
Bất động sản đầu tư	2.86	2.94	-2.8%
Tài sản dở dang	8.07	1.70	374%
Đầu tư tài chính dài hạn	82.6	82.6	0.0%
Tài sản dài hạn khác	15.5	17.9	-13.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	380	353	7.9%
Nợ ngắn hạn	373	350	6.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	287	276	4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.0	56.3	20.8%
Nợ dài hạn	7.50	3.00	150%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.21	2.21	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	245	239	2.4%
Vốn chủ sở hữu	245	239	2.4%
Vốn điều lệ	265	265	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	182	199	167	285	202
Giá vốn hàng bán	169	182	164	264	187
Lợi nhuận gộp	13.3	16.9	3.05	21.3	14.5
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	5.55	6.64	5.10	2.11	4.62
Chi phí lãi vay	5.55	5.30	5.09	4.60	4.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.00	0.02	0.97	0.02
Chi phí QLDN	2.58	0.46	2.88	0.45	2.71
LN thuần từ HĐKD	5.11	9.76	-4.95	17.8	7.12
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.26	-0.33	-0.01	-0.06
LN trước thuế	5.08	9.50	-5.28	17.8	7.06
Lợi nhuận sau thuế	4.05	8.40	-4.41	14.4	5.64
LNST của CĐ cty mẹ	4.05	8.40	-4.41	14.4	5.64

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.5	11.6	12.3	16.3	-4.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.30	-18.7	15.3	-3.14	-6.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.7	7.35	-30.2	-13.1	11.8
Tiền đầu kỳ	0.56	2.55	2.82	0.25	0.30
Lưu chuyển tiền thuần	1.98	0.28	-2.57	0.05	0.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	2.55	2.82	0.25	0.30	0.93

(Nguồn: fireant.vn)